

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST - HNGĐ, ngày 06/5/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C, sinh năm 1995 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: TDP C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: TDP C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

(Hiện anh T đang phải chấp hành án tại Phân trại số 6, Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Ngô Thị C trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình năm 2016 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống anh T hay ghen tuông, vợ chồng thường

xuyên cãi, chửi nhau, xô xát vài lần, anh T còn đánh tôi. Đến tháng 8/2017 anh T bị bắt về tội Trộm cắp tài sản và bị xử phạt tù 8 năm, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 6, Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an. Đến năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng nên tôi và anh Thanh không ai quan tâm gì đến nhau nữa và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/8/2016, hiện nay cháu H đang ở với tôi từ khi anh T bị bắt tháng 8/2017 cho đến nay. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Tôi và chị Ngô Thị C kết hôn năm 2016. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình tôi. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2017 tôi bị bắt về tội Trộm cắp tài sản và phải đi chấp hành án với thời gian 8 năm tù tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau và cô C cũng không quan tâm gì đến tôi. Nay cô C làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô C có 01 con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/8/2016, con chung hiện nay đang ở với cô C từ khi tôi đi chấp hành án tháng 8/2017 cho đến nay. Khi ly hôn, tôi nhất trí để chị C trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị C giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị C (bản sao); 01 trích lục khai sinh của con chung (bản sao). Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung chị đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về tài sản không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147, Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Ngô Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/8/2016 cho chị Chinh trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh T xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải, do anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là thị trấn H), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị C cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị C cho rằng anh T hay ghen tuông, vợ chồng xô xát cãi nhau, anh T có đánh chị, đến tháng 8/2017 anh T bị bắt về tội Trộm cắp tài sản và đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an, năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, đến tháng 8/2017 anh đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an về tội Trộm cắp tài sản, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn và anh xin xét xử vắng mặt do anh đang phải đi chấp hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị C là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị C, cho chị Ngô Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị C và anh T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/8/2016, hiện nay con chung đang ở với chị C từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm, Phía anh T đề nghị giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án xem xét và anh xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung đang ở với chị C từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T đang phải chấp hành án với thời hạn 8 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, anh cũng có nguyện vọng giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, xét nguyện vọng của chị C và anh T căn cứ vào điều kiện thực tế cần giao con chung Nguyễn Quang H, sinh

ngày 13/8/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi trừ trường hợp chị C, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị C và anh T cùng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị C, cho chị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/8/2016 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị C, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013297 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

ĐÀO NGỌC HÀI